

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HS-ST

Ngày: 06/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đào Chí Cường**
- *Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Hoàng Phúc**
2. Bà **Phạm Thị Em**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đình Linh** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8 và 05 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Họ tên: **Võ Thanh L**, sinh năm 1985, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Thanh L; Bị cáo có vợ tên Dương Thị H và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018; Nhân thân: Ngày 31/05/2010, bị công an huyện C, tỉnh Bến Tre quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/02/2022 và chuyển tạm giam đến ngày 09/05/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ tên: **Trần Văn D**, sinh năm 1975, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 7/12; Con Trần Văn B (chết) và bà Trần Thị Ngọc C (chết); Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thúy P và 01 người con sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: không;

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/02/2022 và chuyển tạm giam đến ngày 09/05/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ tên: **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1980, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Ê; Bị cáo có chồng tên Trần Thanh P và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 04 ngày 12/02/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ tên: **Nguyễn Bình A**, sinh năm 1982, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo có vợ Phan Thị Thúy E và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 54 ngày 02/06/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt tại phiên tòa.

5/ Họ tên: **Nguyễn Thành S**, sinh năm 1983, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Thành M và bà Phạm Thị T; Bị cáo có vợ tên Phạm Thị Thu T và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/02/2022 và chuyển tạm giam đến ngày 09/05/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

6/ Họ tên: **Trần Minh T**, sinh năm 1990, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Trần Văn T và bà Đặng Hồng N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/02/2022 và chuyển tạm giam đến ngày 09/05/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

7/ Họ tên: **Lê Văn S**, sinh năm 1977, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 2/12; Con ông Lê Văn H (Lê Văn Q) và bà Nguyễn Thị L; Bị cáo có vợ tên Lê Thị T và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/02/2022 và chuyển tạm giam đến ngày 09/05/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

8/ Họ tên: **Võ Minh Đ**, sinh năm 1992, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Võ Văn H và bà Văn Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 58 ngày 02/06/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt tại phiên tòa.

9/ Họ tên: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1984, tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị U; Bị cáo có vợ tên Võ Thị Cẩm V và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 56 ngày 02/06/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Nguyễn Thị L, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Lê Duy Â, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Trần Minh H, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Phạm Thành V, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

+ Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

+ Huỳnh Văn B, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng:*

+ Phạm Thị Huệ T, sinh năm 1952 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Nguyễn Thị Huệ V, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Dân:* Ông Trương Văn T – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Trương Văn T thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/20/2022, Võ Thanh L đến khu vực vườn phía sau nhà bà Phạm Thị Huệ T để cho gà ăn do Luân nuôi gà nhờ trên đất bà T, sau đó có Trần Văn D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Bình A đến chơi. Cả 04 người rủ nhau chơi lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền và ra bàn gỗ tròn trong khu vực hiên sau nhà bà T. Khi thỏa thuận xong, L đứng ra làm cái và lấy 10.000.000đồng cầm trên tay làm vốn để lắc tài xỉu, D lấy ra 2.300.000đồng, H lấy ra 500.000đồng, A lấy ra 700.000đồng để đặt tài xỉu. Mỗi ván các con bạc đặt từ 100.000đồng đến 700.000đồng. Đến 13 giờ 40 phút cùng ngày thì lần lượt có Lê Văn S, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thành S, Trần Minh T, Võ Minh Đ đến cùng tham gia đánh bạc. Lê Văn S lấy ra 400.000đồng, T lấy ra 900.000đồng, Nguyễn Thành S lấy ra 450.000đồng, T lấy ra 1.000.000đồng, Đ lấy ra 300.000đồng để đặt tài xỉu. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, T thua hết 900.000đồng thì ra võng nằm ngủ, A thua hết tiền là 700.000đồng đứng ngoài coi, còn lại các bị cáo L, H, D, Lê Văn S, Nguyễn Thành S, T, Đ tiếp tục lắc tài xỉu với nhau đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng công an huyện C ập vào bắt quả tang. Lúc này, L thắng được 300.000đồng, Đ thắng được 600.000đồng, T thắng được 200.000đồng, Lê Văn S thắng được 300.000đồng, D thắng được 200.000 đồng. Nguyễn Thành S thắng được 300.000đồng, H thua 300.000đồng.

Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc:

Tiền mặt 10.200.000đồng của Võ Thanh L đang cầm trên tay đang dùng để chung chi khi thắng thua; 01 đĩa sành màu trắng, 01 nắp nhựa màu đen; 03 hột xí ngầu.

Ngoài ra còn thu giữ trên người các bị cáo:

Võ Thanh L 4.900.000đồng tiền L dùng trang trải sinh hoạt trong gia đình; 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia 105, loại bàn phím, số Imei 355763103600585; 01 xe mô tô biển số 71F9-5850 loại xe 02 bánh, nhãn hiệu BOSS, màu nâu, có số khung PCG-00211011557, số xe máy SD-011774.

Trần Văn D: 46.000.000đồng, trong đó có 2.500.000đồng dùng vào việc đánh bạc; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1916 màu đen có số Imei 865960049517473; 01 xe mô tô biển số 71FL-8139, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Ferroli, màu đen xám, có số khung M8XB30018, số máy MB-030018; 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn D.

Lê Văn S: 4.600.000đồng, trong đó có 700.00đồng dùng vào việc đánh bạc.

Nguyễn Thành S: 12.350.000 đồng, tiền S dùng trang trải sinh hoạt trong gia đình; 01 xe mô tô hiệu Jupiter biển số 71B2-476.80, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu bạc, có số khung BYAJ5VT24YA043710, số máy 5VT243710; riêng số tiền 750.000đồng S dùng vào việc đánh bạc, khi bị công an truy bắt, S làm rớt mất, không thu hồi được.

Nguyễn Thị Thu H: 1.200.000đồng, trong đó có 200.000đồng dùng vào việc đánh bạc; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số Imei 350618541042862.

Trần Minh T: 4.700.000đồng, trong đó có 1.200.000đồng dùng vào việc đánh bạc; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen trên thân máy có ghi “Designed For a Series”; 01 xe mô tô biển số 71K6-4120.

Nguyễn Thanh T: 01 điện thoại hiệu Samsung màu đen có số Imei 356902/08/756622/7; 01 xe mô tô biển số 71B3-792.68.

Nguyễn Bình A: 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen có số Imei 356008083049646.

Thu giữ 01 xe mô tô số hiệu 71B4-573.73, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Honda Wave, có số khung RLHJA3924MY053248, số máy JA39E2170556 của bị can Võ Minh Đ. Riêng số tiền 900.000đồng dùng vào việc đánh bạc, khi bị công an bắt quả tang, Đ bỏ chạy thoát, không thu giữ được, trong quá trình điều tra, bị cáo Đ đầu thú và giao nộp số tiền 900.000đồng.

Thu giữ 01 xe mô tô biển số 71H8-8563 của bà Nguyễn Thị L.

Tại bản Cáo trạng số **41/CT-VKSCT** ngày 27/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố các bị cáo Võ Thanh L, Trần Văn D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Bình A, Nguyễn Thành S, Trần Minh T, Lê Văn S, Võ Minh Đ và Nguyễn Thanh T về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 65; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Võ Thanh L từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm – 03 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 65; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo Trần Văn D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Bình A, Nguyễn Thành S, Trần Minh T, Lê Văn S, Võ Minh Đ, Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo từ 06 tháng – 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm – 02 năm.

Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bổ sung bị cáo Võ Thanh L từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bổ sung các bị cáo Trần Văn D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Bình A, Nguyễn Thành S, Trần Minh T, Lê Văn S, Võ Minh Đ, Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung công số tiền 15.800.000 đồng tiền dùng để

đánh bạc, gồm: 10.300.000 đồng của Võ Thanh L; 2.500.000 đồng của Trần Văn D; 200.000 đồng của Nguyễn Thị Thu H; 1.200.000 đồng của Trần Minh T; 900.000 đồng của Võ Minh Đ; 700.000 đồng của Lê Văn S.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sành màu trắng, 01 nắp nhựa màu đen; 03 hột xí ngầu.

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

- 14.900.000 đồng; 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia 105, loại bàn phím, số Imei 355763103600585; 01 xe mô tô biển số 71F9-5850 loại xe 02 bánh, nhãn hiệu BOSS, màu nâu, có số khung PCG-00211011557, số máy SD-011774 của Võ Thanh L.

- 44.000.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Vivo 1916 màu đen có số Imei 865966049517473; 01 xe mô tô biển số 71FL-8139, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Ferroli, màu đen xám, có số khung M8XB30018, số máy MB-030018 của Trần Văn D.

- 1.000.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen có số Imei 350618541042862 của Nguyễn Thị Thu H.

- 12.350.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Jupiter biển số 71B2-476.80, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu bạc, có số khung VYAJ5VT24YA043710, số máy 5VT243710 của Nguyễn Thành S.

- 3.500.000 đồng; 01 điện thoại hiệu OPPO màu xanh đen trên thân máy có ghi “Designed For a Series” của Trần Minh T.

- 3.900.000 đồng của Lê Văn S.

- 01 điện thoại hiệu Samsung màu đen có số Imei 356902/08/756622/7 của Nguyễn Thanh T.

- 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen có số Imei 356008083049646 của Nguyễn Bình A.

- 01 xe mô tô biển số 71B4-575.73, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Honda Wave, có số khung RLHJA3924MY053248, số máy JA39E2170556 của Võ Minh Đ.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn D trình bày:

Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo Trần Văn D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phải nuôi con chưa thành niên được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng đã truy tố, và nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, các bị cáo rất ân hận về hành vi sai trái của mình và cam kết sẽ không tiếp tục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng các bị cáo không có ý kiến, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các biên bản bắt quả tang, biên bản sự việc và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đó có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/20/2022, cáo Võ Thanh L, Trần Văn D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Bình A, Nguyễn Thành S, Trần Minh T, Lê Văn S, Võ Minh Đ và Nguyễn Thanh T cùng nhau tham gia đánh bạc bằng hình thức lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng công an huyện C ập vào bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 16.550.000đồng.

Hành vi của các bị cáo cáo Võ Thanh L, Trần Văn D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Bình A, Nguyễn Thành S, Trần Minh T, Lê Văn S, Võ Minh Đ và Nguyễn Thanh T đã phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Các bị cáo đều là người đã thành niên, đều nhận thức được việc đánh bạc dưới hình thức ăn thua bằng tiền là vi phạm pháp luật và bị nghiêm cấm nhưng các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích tư lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi các bị cáo phạm tội, là nguyên nhân của một số loại tội phạm khác vì vậy cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc, rủ rờ, lôi kéo từ trước từ trước mà chỉ là bộc phát nhất thời vì vậy đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, trong vụ án bị cáo Võ Thanh L là người trực tiếp làm cái tại khu vực chăn nuôi của bị cáo đồng thời bỏ số tiền tham gia đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác nên hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với bị cáo L sẽ cao hơn các bị cáo khác.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Riêng các bị cáo Võ Thanh L, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Bình A, Nguyễn Thành S, Lê Văn S và Nguyễn Thanh Tâm còn có thêm tình tiết giảm nhẹ đang nuôi con chưa thành niên được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Võ Minh Đ có thêm tình tiết giảm nhẹ đầu thú được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra bị cáo Võ Thanh L có xác nhận của chính quyền địa phương hiện gia đình khó khăn, bị cáo Nguyễn Thành S có ông ngoại là người có công với đất nước, bị cáo Lê Văn S bị tai nạn chân đi lại khó khăn cũng được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Võ Thanh L vào ngày 31/05/2010, bị công an huyện C, tỉnh Bến Tre quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đồng về hành vi đánh bạc.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo nhận thấy các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều có địa chỉ cư trú rõ ràng vì vậy Hội đồng xét xử không cần thiết nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo sinh sống để quản lý, giáo dục cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ - HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đồng thời Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 phạt tiền đối với bị cáo Võ Thanh L số tiền 15.000.000đồng, phạt tiền các bị cáo Trần Văn D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Bình A, Lê Văn S, Nguyễn Thành S, Trần Minh T, Võ Minh Đ và Nguyễn Thanh Tâm mỗi bị cáo với số tiền 10.000.000đồng.

Lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo Trần Văn D là phù hợp với việc đánh giá của Hội đồng xét xử về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 đĩa sành màu trắng, 01 nắp nhựa màu đen, 03 hột xí ngầu đây là công cụ bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi lặt tài xỉu ăn thua bằng tiền vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 15.800.000đồng bao gồm 10.300.000đồng thu của Võ Thanh L, 2.500.000đồng thu của Trần Văn D, 700.000đồng thu của Lê Văn S, 200.000đồng thu của Nguyễn Thị Thu H, 1.200.000đồng thu của Trần Minh T và 900.000đồng thu của Võ Minh Đ đây là tiền dùng vào việc đánh bạc vì vậy Hội đồng xét xử cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Riêng số tiền 750.000đồng của Nguyễn Thành S khai dùng vào việc đánh bạc tuy nhiên khi bị truy bắt S làm rớt mất vì vậy Hội đồng xét xử buộc bị cáo giao nộp để tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với số tài sản đã thu giữ của các bị cáo gồm:

Võ Thanh L: 14.900.000đồng, 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia 105, loại bàn phím, số Imei 355763103600585; 01 xe mô tô biển số 71F9-5850 loại xe 02 bánh, nhãn hiệu BOSS, màu nâu, có số khung PCG-00211011557, số máy SD-011774.

Trần Văn D: 44.000.000đồng, 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1916 màu đen có số Imei 865966049517473, 01 xe mô tô biển số 71FL-8139, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Ferroli, màu đen xám, có số khung M8XB30018, số máy MB-030018.

Lê Văn S: 3.900.000đồng.

Nguyễn Thành S 12.350.000đồng, 01 xe mô tô hiệu Jupiter biển số 71B2-476.80, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu bạc, có số khung BYAJ5VT24YA043710, số máy 5VT243710.

Nguyễn Thị Thu H: 1.000.000đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số Imei 350618541042862.

Trần Minh T: 3.500.000đồng, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh đen trên thân máy có ghi “Designed For a Series”.

Nguyễn Thanh T: 01 điện thoại hiệu Samsung màu đen có số Imei 356902/08/756622/7.

Nguyễn Bình A: 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen có số Imei 356008083049646.

Võ Minh Đ: 01 xe mô tô biển số 71B4-573.73, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Honda Wave, có số khung RLHJA3924MY053248, số máy JA39E2170556.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử chứng minh không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo tuy nhiên Hội đồng xét xử cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

Đối với số tài sản gồm:

- 01 xe mô tô biển số 71H8-8563 của bà Nguyễn Thị L.
- 01 xe mô tô biển số 71K6-4120 của anh Trần Minh H.
- 01 xe mô tô biển số 71B3-792.68 của anh Nguyễn Ngọc T.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử chứng minh không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C,

tỉnh Bến Tre đã trả các xe mô tô cho các chủ sở hữu ông Lê Duy Á (Chồng bà Nguyễn Thị L) anh Trần Minh H và anh Nguyễn Ngọc T là phù hợp cần được ghi nhận.

[7] Đối với bà Phạm Thị Huệ T, Nguyễn Thị Huệ V là chủ nhà, quá trình điều tra xác định hai đương sự không biết việc các bị cáo đánh bạc ăn thua bằng tiền phía sau nhà vì vậy không xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí là 200.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh L, Trần Văn D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Bình A, Nguyễn Thành S, Trần Minh T, Lê Văn S, Võ Minh Đ và Nguyễn Thanh T phạm “*Tội đánh bạc*”;

[1] *Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Xử phạt bị cáo Võ Thanh L **01** (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **02** (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/9/2022.

Giao bị cáo Võ Thanh L cho UBND xã Thành Triệu, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Văn D **06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/9/2022.

Giao bị cáo Trần Văn D cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H **06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/9/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bình A **06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/9/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Bình A cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành S **06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/9/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Thành Sơn cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Minh T **06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/9/2022.

Giao bị cáo Trần Minh T cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Văn S **06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/9/2022.

Giao bị cáo Lê Văn S cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Võ Minh Đ **06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/9/2022.

Giao bị cáo Võ Minh Đ cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T **06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/9/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Phạt bổ sung bị cáo Võ Thanh L **15.000.000đồng** (Mười lăm triệu đồng); phạt bổ sung các bị Trần Văn D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Bình A, Nguyễn Thành S, Trần Minh T, Lê Văn S, Võ Minh Đ và Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo số tiền **10.000.000đồng** (Mười triệu đồng).

[3] *Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:*

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sành màu trắng, 01 nắp nhựa màu đen, 03 hột xí ngầu.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 15.800.000đồng gồm: 10.300.000 đồng của Võ Thanh L; 2.500.000 đồng của Trần Văn D; 200.000đồng của Nguyễn Thị Thu H; 1.200.000đồng của Trần Minh T; 900.000đồng của Võ Minh Đ; 700.000đồng của Lê Văn S.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành S tiếp tục giao nộp số tiền 750.000đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ tài sản của các bị cáo để đảm bảo thi hành án gồm:

- 14.900.000 đồng; 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia 105, loại bàn phím, số Imei 355763103600585; 01 xe mô tô biển số 71F9-5850 loại xe 02 bánh, nhãn hiệu BOSS, màu nâu, có số khung PCG-00211011557, số máy SD-011774 của Võ Thanh L.

- 44.000.000đồng; 01 điện thoại hiệu Vivo 1916 màu đen có số Imei 865966049517473; 01 xe mô tô biển số 71FL-8139, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Ferroli, màu đen xám, có số khung M8XB30018, số máy MB-030018 của Trần Văn D.

- 1.000.000đồng; 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen có số Imei 350618541042862 của Nguyễn Thị Thu H.

- 12.350.000đồng; 01 xe mô tô hiệu Jupiter biển số 71B2-476.80, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu bạc, có số khung VYAJ5VT24YA043710, số máy 5VT243710 của Nguyễn Thành S.

- 3.500.000 đồng; 01 điện thoại hiệu OPPO màu xanh đen trên thân máy có ghi “Designed For a Series” của Trần Minh T.

- 3.900.000 đồng của Lê Văn S.

- 01 điện thoại hiệu Samsung màu đen có số Imei 356902/08/756622/7 của Nguyễn Thanh T.

- 01 điện thoại hiệu Nokia màu đen có số Imei 356008083049646 của Nguyễn Bình A.

- 01 xe mô tô biển số 71B4-575.73, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Honda Wave, có số khung RLHJA3924MY053248, số máy JA39E2170556 của Võ Minh Đ.

Ghi nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả các xe mô tô cho các chủ sở hữu gồm:

- 01 xe mô tô biển số 71H8-8563 cho ông Lê Duy Â (Chồng bà Nguyễn Thị L).

- 01 xe mô tô biển số 71K6-4120 cho anh Trần Minh H.

- 01 xe mô tô biển số 71B3-792.68 cho anh Nguyễn Ngọc T.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày giữa Công an huyện C với Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre).

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Võ Thanh L, Trần Văn D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Bình A, Nguyễn Thành S, Trần Minh T, Lê Văn S, Võ Minh Đ và Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- Công an huyện (1b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND nơi cư trú của các bị cáo (9b);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường